

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 28 tháng 04 năm 2022

HỢP ĐỒNG
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ
Số: 06/HĐ-SKHCN

Tên nhiệm vụ: “Hình thành tổ chức chứng nhận sản phẩm Nông nghiệp Hữu cơ”.

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP, ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Thủ Tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30/12/2015 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN, ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-SKHCN ngày 23/11/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt thuyết minh và dự toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2022;

Căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-SKHCN ngày 22/04/2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2022;

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2022. Tại Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH GIA LAI.

Địa chỉ: 98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 02693 821 595

Số tài khoản: 9527.2.1092188 Tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Gia Lai

Đại diện là:

- Ông: Nguyễn Nam Hải Chức vụ: Giám đốc

- Bà: Nguyễn Thị Tâm Chức vụ: Kế toán trưởng

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

T. CÔNG H.

a) Tổ chức chủ trì thực hiện: TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH GIA LAI

Địa chỉ: 98B, Phạm Văn Đồng, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02693.824.422

Mã số thuế: 5900181950

Số tài khoản: 3713.0.1092189 Tại: Kho bạc nhà nước tỉnh Gia Lai

Đại diện: Ông Lê Minh Hải Chức vụ: Giám đốc

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Bà: Trần Thị Hoàng Nguyên Chức vụ: Chuyên viên phòng Chứng nhận

Trình độ chuyên môn: ThS. Khoa học cây trồng

Địa chỉ: 13/27 Ký con, Phường Yên Thế, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0976088802.

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng triển khai thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Hợp đồng đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: “*Hình thành tổ chức chứng nhận sản phẩm Nông nghiệp Hữu cơ*” (gọi tắt là “Nhiệm vụ”) đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 260/QĐ-SKHHCN, ngày 23/11/2021 về việc phê duyệt thuyết minh và dự toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2022 và Quyết định số 68/QĐ-SKHHCN ngày 22/04/2022 về việc điều chỉnh kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2022;

Nội dung nghiên cứu và sản phẩm của Hợp đồng được thể hiện tại Đề cương chi tiết của nhiệm vụ và sản phẩm theo như Quyết định số 260/QĐ-SKHHCN, ngày 23/11/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai; Đề cương chi tiết của Nhiệm vụ là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

Kể từ khi Hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022.

Điều 3. Kinh phí thực hiện Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

1. Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức: Khoán chi từng phần.

2. Tổng kinh phí thực hiện Nhiệm vụ là: **540.000.000 đồng** (bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh: **540.000.000 đồng** (bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu đồng).

- Kinh phí từ nguồn khác : **0 đồng** (bằng chữ: không đồng).

3. Tiền độ cấp kinh phí:

Tiền độ cấp kinh phí tương ứng với tiến độ triển khai nhiệm vụ và phù hợp với quy định pháp luật; Tùy theo tiến độ thực hiện và tình hình giải ngân của cơ quan chủ trì mà Sở Khoa học và Công nghệ sẽ cấp kinh phí phù hợp để đảm bảo tình hình giải ngân; Dự kiến tiến độ cấp kinh phí như sau:

Đợt cấp kinh phí	Thời điểm cấp kinh phí	Số tiền cấp	Điều kiện để cấp kinh phí
Đợt 1	Năm 2022	216.000.000	Cấp ứng ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng
Đợt 2	Năm 2022	324.000.000	Cấp ngay sau khi Bên B báo cáo sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo tiến độ đã thuyết minh và giao nộp hồ sơ thanh toán kinh phí đã tạm ứng (Với số kinh phí thanh toán tối thiểu đạt 80% số kinh phí tạm ứng).
Tổng cộng		540.000.000	

4. Thanh toán kinh phí được cấp: Thanh toán trong niên độ ngân sách năm 2022 theo quy định của Luật ngân sách; Hồ sơ, chứng từ thanh toán nhiệm vụ gửi về Văn phòng Sở trước ngày 31/12/2022.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;
 b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ Ngân sách Nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung thực hiện được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ theo Thuyết minh của nhiệm vụ (kèm theo);

đ) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ;

e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Bên B theo quy định và các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

g) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

h) Phối hợp cùng bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh nhiệm vụ (kèm theo);

b) Cam kết thực hiện đúng tiến độ và hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ theo quy định và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ, hồ sơ chứng từ chỉ trong quá trình triển khai thực hiện; có trách nhiệm thanh toán hết số kinh phí được cấp trong thời gian quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Hợp đồng;

g) Xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

i) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

k) Có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ tài chính và cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

l) Cùng với bên A thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo

quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng:

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ cho bên A theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng:

1. Đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng.

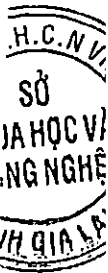
Trường hợp được xác định do lỗi khách quan thì Bên B không phải nộp trả phần kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định;

Trường hợp do lỗi chủ quan, Bên A sẽ tiến hành xác định mức độ vi phạm để quyết định mức kinh phí mà Bên B phải nộp trả ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Nhiệm vụ. Nhưng mức tối thiểu bên B phải nộp trả là 40% tổng kinh phí Ngân sách Nhà nước đã sử dụng đúng quy định.

Trường hợp do lỗi chủ quan và không chứng minh được kinh phí được sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng

2. Đối với Nhiệm vụ khoa học và công nghệ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu



cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Trường hợp được xác định là do lỗi khách quan thì Bên B không phải nộp hoàn trả phần kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Nhiệm vụ;

Trường hợp do lỗi chủ quan, Bên A sẽ tiến hành xác định mức độ vi phạm để quyết định mức kinh phí mà Bên B phải nộp trả ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Nhiệm vụ. Nhưng mức tối thiểu bên B phải nộp trả là 50% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định.

Trường hợp do lỗi chủ quan và không chứng minh được kinh phí được sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

4. Đối với Nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng đúng quy định để thực hiện Nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng:

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Nhiệm vụ (nếu có) được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung:

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng này và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp khởi kiện đến cơ quan Tòa án tỉnh Gia Lai để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng:

Hợp đồng này gồm 07 trang được đánh dấu trang từ 1 đến 7, 01 biểu tổng hợp dự toán kinh phí và 01 Đề cương chi tiết kèm theo là những bộ phận cấu thành Hợp đồng để làm căn cứ triển khai và lưu hồ sơ. Nếu thiếu bất cứ một bộ phận nào của Hợp đồng, thì đều không có giá trị.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản./.

**BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Nam Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tâm

**BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Lê Minh Hải

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

Trần Thị Hoàng Nguyên



TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ CẤP CƠ SỞ
(Theo nội dung chi)

(Kèm theo Hợp đồng số: 6 /HD – SKHCN, ngày 28 tháng 04 năm 2022)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn					
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước	
			Tổng số		Năm 2022		Tổng số	Năm 2022
			Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định	Kinh phí	Trong đó, khoản chi theo quy định		
1	2	3 = (4+10)	4	5	6	7	10	11
1	Trả công lao động	159,6684	159,6684	159,6684	159,6684	159,6684	0	0
2	Chi khác	380,3316	380,3316	151,8316	380,3316	151,8316	0	0
	Tổng cộng	540,0000	540,0000	311,5000	540,0000	311,5000	0	0